

TIM THỒN THỨC (hồi hộp)

A. Biện chứng luận trị

Tim hồi hộp là bệnh nhân tự thấy tim đập nhanh, mạnh, là chứng tâm hoảng không yên. Đông y cho rằng bệnh này phát sinh do thể chất yếu, hoặc bệnh lâu ngày thân thể hư, hoặc ưu tư, sợ hãi dẫn đến khí huyết hao tổn, không thể nuôi dưỡng được tim. Hoặc do âm hư hỏa vượng, nung nấu dịch thành đàm, đàm hỏa gộp lại dẫn đến tâm thần không yên, hoặc tâm huyết ứ trệ, làm cho tâm thần bất an. Y học hiện đại gọi là bệnh chức năng tim (như loạn nhịp tim, rối loạn thần kinh tim), hoặc bệnh thực thể (như bệnh van tim, hoặc xơ vữa mạch vành), và các bệnh khác như cường tuyến giáp, thiếu máu. Tim mất chức năng điều hoà bao gồm cả chứng trạng hồi hộp đánh trống ngực.

B. Điểm chủ yếu để kiểm tra

1. Chú ý tình hình phát cơn hồi hộp đánh trống ngực, thường xuyên hay thành cơn, có quan hệ với các hoạt động tình cảm, tinh thần, khoảng thời gian giữa những cơn hồi hộp. Bệnh tim hồi hộp có nguyên nhân thực thể, phần nhiều do gắng sức thì xuất hiện hoặc nặng thêm. Bệnh tim hồi hộp do thần kinh chức năng thường có quan hệ với kích động (Stress) của tình cảm, tinh thần.
2. Chú ý các chứng trạng khác để phân biệt các bệnh dẫn đến tim hồi hộp như: Mất ngủ, nhiều mộng mị, choáng đầu, tai ù, mắt hoa, thường thấy ở bệnh rối loạn chức năng thần kinh tim, thiếu máu. Thở suyễn, ngắn hơi, ngực bứt rứt, đau ngực, ho hắng, đau khớp hoặc cao huyết áp, có thể thấy ở chứng phong thấp, xơ vữa động mạch, cao huyết áp hoặc bệnh tim có nguồn gốc từ phế.
3. Kiểm tra chú ý biến động của huyết áp, tiếng tim, sức co bóp cơ tim và nhịp tim, phổi có tiếng ran ẩm, gan to hay không, để phân biệt bệnh do cơ năng hay thực thể. Khi cần thiết thì phải chiếu điện và làm điện tâm đồ.

C. Cách chữa

1. Châm cứu

a. Thể châm: Thần môn, Nội quan, Tâm du, Cự khuyết.

Gia giảm:

- Huyết hư: Gia Cách du, Tỳ du.

- Đàm nhiệt: Gia Dương lăng tuyền, Phong long.

b. Nhĩ châm: Tâm, Bì chất hạ, Giao cảm, Thần môn.

c. Phụ: Kinh nghiệm chữa bệnh tim do phong thấp của thành phố An Sơn, khu Lập Sơn, công xã Thự Quang số "6,26", như sau:

Chủ huyết:

Nhóm a: Nội quan, Gian sử, Thiếu phủ.

Nhóm b: Nội quan, Khích môn, Khúc trạch.

Huyết dự bị:

Nhóm huyết dự bị I: Âm lảng tuyền thấu Dương lảng tuyền, Túc tam lý, Giải khô, Côn luân.

Nhóm huyết dự bị II: Trung quản, Thiên khu, Khí hải, Túc tam lý.

Nhóm huyết dự bị III: Thái xung, Âm lảng tuyền thấu Dương lảng tuyền, Thủy phân, Trung cực thấu Khúc cốt, Thủy tuyền, Phi dương.

Nhóm huyết dự bị IV: Phế du, Thiếu phủ, Hợp cốc.

Huyết phối hợp: Lấy các nhóm huyết trên làm huyết thường dùng, rồi linh hoạt ứng dụng chọn những nhóm huyết dưới như sau:

- Chữa tim đập quá chậm: Nội quan, Thông lý.
- Tim đập quá nhanh: Nội quan, Gian sử và Nhĩ châm vùng tim.
- Bụng trướng: Trung cực, Quy lai, Khí hải.
- Gan to: Thái xung, Chương môn.

Khi tiến hành chữa, có thể lấy nhóm (a) hoặc (b). Huyết phối hợp thì có thể căn cứ vào bệnh tình mà tuyển chọn, mỗi lần châm từ trên dưới 4 hoặc 5 huyết, châm huyết ở cả hai bên phải trái.

Thủ pháp: Châm sâu, mạnh, dùng phép Kê đảo mễ (gà chải thóc) nâng ấn, đếm vê, sau khi có châm cảm đắc khí buốt, tê, trướng hoặc lan truyền thì lưu kim.

Liệu trình: Từ 7 đến 10 ngày, rồi tùy thể chất người bệnh khỏe hay yếu, để nghỉ mấy ngày, lại tiến hành liệu trình sau. Thông thường mỗi ngày châm 1 lần, nhưng căn cứ bệnh tình, nếu không chịu nổi thì có thể cách ngày hoặc cách hai ngày châm 1 lần.

2. Biện chứng thí trị

Bệnh này trên lâm sàng có 2 mặt hư và thực, có thể lẫn với nhau, nhưng nhất thiết là thực ít hư nhiều. Khí huyết hư hoặc tâm âm hư là gốc, đàm hỏa ú trở là ngọn, do đó cách chữa phải lấy nguyên tắc bổ hư làm chủ, khử tà làm phụ, đồng thời căn cứ vào đặc điểm tâm thần bất an, phối hợp thuốc an thần.

a. Khí huyết bất túc: Hoảng hốt, tim đập mạnh không yên, sau khi lao động có thể tăng, ngắn hơi, ra mồ hôi, mệt mỏi, ngủ không yên hoặc mất ngủ, hay quên, đầu nặng, mắt hoa, sắc mặt không tươi, môi miệng trắng nhạt, chất lưỡi đỏ nhạt, mạch nhỏ yếu hoặc loạn nhịp.

Cách chữa: Bổ khí, ích huyết.

Bài thuốc: Quy tỳ thang gia giảm.

Hoàng kỳ, Đảng sâm hoặc Hải nhĩ sâm, Đương quy, Thục địa mỗi thứ đều 3 đồng cân, Ngũ vị tử từ 2 đến 3 đồng cân, Thục táo nhân từ 3 đến 5 đồng cân, hoặc Bá tử nhân 3 đồng cân, Chu phục thần 4 đồng cân, Long cốt 4 đồng cân, Mẫu lệ 1 lạng.

Gia giảm:

- Kiên chứng dương hư, ra mồ hôi, sợ lạnh, mạch kết, đại, gia *Quế chi* 1,5 đồng cân, *Chích cam thảo* 1,5 đồng cân.

- Tâm thần bất an dữ dội, gia *Viễn chí* 2 đồng cân, *Hợp hoan bì* (hoa) 5 đồng cân.

b. Âm hư hoả vượng: Tim đập mạnh, hư phiền không yên, có khi thành cơn, khi suy nghĩ nhiều hoặc sợ hãi rất dễ phát thành cơn, ngủ không sâu, mộng mị, đầu choáng, mắt hoa tai ù, mặt nóng, miệng khô đắng, chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt, tế, sắc.

Cách chữa: Tư âm giáng hoả.

Bài thuốc: *Bổ tâm đan gia giảm:*

<i>Sinh địa</i>	5 đồng cân,		
<i>Mạch môn</i> hoặc <i>Thiên môn</i>	3 đồng cân.		
<i>Ngọc trúc</i>	3 đồng cân,	<i>Đương quy</i>	3 đồng cân,
<i>Hoàng liên</i>	1 đồng cân,	<i>Sơn chi</i>	1 đồng cân,
<i>Thục táo nhân</i>	3 đồng cân,	<i>Bá tử nhân</i>	3 đồng cân,
<i>Mẫu lệ</i>	1 lạng.		

Gia giảm:

- Kèm có đàm hoả, trong tim nóng bức rút, mất ngủ hoặc mị mộng, nôn ra đờm dính, rêu lưỡi vàng nhầy, Gia *Trúc lịch bán hạ* 3 đồng cân, *Trần Đẳng tinh* 1 đến 2 đồng cân, *Thiên trúc hoàng* 3 đồng cân, *Xuyên bối mẫu* 1,5 đồng cân, *Chu phục thần* 4 đồng cân. Hoặc liệu chừng bỏ các vị thuốc tư âm dưỡng huyết như *Sinh địa*, *Đương quy*.

- Thẩn thức không yên, ngũ tâm phiền nhiệt rất mạnh, liệu chừng gia *Trân châu mẫu* 1,5 đồng cân, *Linh từ thạch* 6 đồng cân đến 1 lạng, *Quy bản* 5 đồng cân.

c. Tâm huyết ú trở: Tim đập mạnh, trong ngực bức rút không thoải mái, hoặc tim ngực đau từng cơn, ngắn hơi, môi mặt tím tái, chất lưỡi có màu tím hoặc ban tím, mạch tế, sắc (nhỏ, nhanh) hoặc loạn nhịp.

Cách chữa: Hoạt huyết, hoá ú, lý khí.

Bài thuốc: *Huyết phủ trục ú thang gia giảm.*

<i>Đương quy</i>	3 đồng cân,	<i>Đan sâm</i>	5 đồng cân,
<i>Đào nhân</i>	3 đồng cân,	<i>Hồng hoa</i>	2 đến 3 đồng cân,
<i>Xích thược</i>	3 đồng cân,	<i>Khương hoàng</i>	2 đến 3 đồng cân,
<i>Chế hương phụ</i>	3 đồng cân,	<i>Uất kim</i>	3 đồng cân.

Gia giảm:

- Kèm có đàm trọc, ngực buồn bần rở rệt, rêu lưỡi trơn, gia *Qua lâu* 5 đồng cân, *Ung bạch* 3 đồng cân, *Pháp bán hạ* 3 đồng cân.

- Tâm dương bất chấn, sợ lạnh, chi mát, lưỡi nhạt, mạch chậm, gia *Quế chi* 1,5 đồng cân, *Can khương* 1 đồng cân, *Quế Phụ tử* 1 đến 1,5 đồng cân.

- Kiềm có khí huyết hao hư, dùng chung với các vị thuốc bổ dưỡng khí huyết.

3. Bài thuốc một vị

- *Chu sa* 1 đồng cân, cho vào trong một *quả tim lợn*, đun chín như thì đem ăn, có thể uống như thể từ 6 đến 7 lần, **chữa tim đập quá nhanh**.

- *Hổ phách* 5 phân, *Huyết kiệt* 2 phân, nghiền nhỏ cả 2 thứ uống 1 lần, ngày uống 2 lần, **trị hồi hộp, hay sợ vùng ngực buồn đau**.

- *Ngọc trúc* 5 đồng cân, sắc đặc, chia làm 2 lần uống mỗi ngày một tể, uống liền 10 ngày một liệu trình, **trị bệnh tim có thấy chứng âm hư**.

- *Xương bồ* 1 đồng cân, *Viễn chí* 2 đồng cân, *Chu phục thần* 3 đồng cân, sắc uống. **Dùng ở chứng hồi hộp mất ngủ**.